TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 40/2025/DS-ST
Ngày: 23-06-2025
"*V/v* "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai

2. Ông Nguyễn Văn Mua

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 23 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2024/TLST-DS, ngày 23/04/2024, 11/09/2024, 06/05/2025 về việc "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-DS, ngày 26/05/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Phước Minh T**, sinh năm 1988 (có mặt)

HKTT: Số F, đường T, Phường A, Quận E, TP .

Nơi cư trú: Số G, N, Phường A, Tp ., tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Phước T1**, sinh năm 1960

Nơi cư trú: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Quế T2**, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (*Theo văn bản ủy quyền ngày 07/06/2024, có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/Ông **Huỳnh Phước N**, sinh năm 1956 (xin vắng)

HKTT: Số F, đường T, Phường A, Quận E, TP .

Nơi cư trú: Số G, N, Phường A, Tp ., tỉnh Vĩnh Long.

2/Bà **Huỳnh Thị N1**, sinh năm 1957 (xin vắng)

3/Chị **Huỳnh Thị Quế T2**, sinh năm 1989 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2024, khởi kiện bổ sung ngày 06/05/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Phước Minh T trình bày: Sinh thời ông nội anh là ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1923 (chết năm 1987) và bà nội anh là bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1923 (chết năm 2003) có tất cả 04 người con gồm: Ông Huỳnh Phước N, ông Huỳnh Phước L (*chết năm năm 2023, không có vợ con*), ông Huỳnh Phước T1, bà Huỳnh Thị Kim Q (*biệt tích từ 1995 cho đến nay*). Ngoài ra ông T3 và bà S không có con riêng và con nuôi nào khác. Bà S khi còn sống có tạo lập tài sản gồm:

1/Một căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 50m^2, gắn liền với phần đất diện tích đất 3.350m^2, loại đất thổ vườn, tại thửa đất số 503, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/Phần đất diện tích 4.470m^2, loại đất lúa, thuộc thửa số 503, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra không còn di sản nào khác, bà Nguyễn Thị S không có nợ ai.

Hiện nay đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều do bà Nguyễn Thị S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện tại do ông Huỳnh Phước T1 đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý tất cả phần đất trên.

Trước khi bà S qua đời có làm Di chúc, nội dung Di chúc ngày 16/12/1991 có ghi: 01 công rưỡi đất giao cho Huỳnh Phước T1, 0,9 công anh em tự thỏa thuận, 01 công rưỡi giao cho Huỳnh Phước L nhưng do L bị bệnh tâm thần nên Huỳnh Phước N được toàn quyền thủ hộ. Nếu Lý mãn phần, phần này chuyển cho Huỳnh Phước Minh T là con của Huỳnh Phước N.

Qua kết quả đo đạc thì anh thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng cụ thể như sau:

1/Thửa đất số thửa 503, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.350m^2, loại đất thổ vườn (*hiện trạng là thửa 119, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.484,1m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long).*

- *Về cây trồng, vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp*: Thửa đất số thửa 503, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.350m^2, loại đất thổ vườn (*hiện trạng là thửa 119, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.484,1m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long) gồm:*

+ Thửa 119-1, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.497,2m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trên đất có:

Về cây trồng: Dừa (01-03 năm): 09 cây x 350.000đ/cây = 3.150.000đ; Dừa (5-25năm): 02 cây x 2.000.000đ/cây = 4.000.000đ; Sầu riêng (7-25năm): 02 cây x 10.000.000đ/cây = 20.000.000đ; Sầu riêng (5-7năm): 06 cây x 4.000.000đ/cây = 24.000.000đ; Sầu riêng (1-5năm): 27 cây x 1.050.000đ/cây = 28.350.000đ; Chuối: 33 bụi x 125.000đ/bụi = 4.125.000đ; Bưởi (3-5năm): 01 cây x 850.000đ/cây = 850.000đ, do ông T1 trồng.

Về vật kiến trúc: *Nhà chính*: Nhà trệt độc lập, khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch men, mái tôn, có trần. Diện tích 252m^2; đơn giá 3.430.848đ/m^2; giá trị còn lại 60%; thành tiền: (252m^2 x 3.430.848đ/m^2 x 60%) = 518.744.217đ; *Nhà tiền chế*: Diện tích 58,5m^2; đơn giá 847.440đ/m^2; giá trị còn lại 60%; thành tiền: (58,5m^2 x 847.440đ/m^2 x 60%) = 29.745.144đ; *Sân bê tông*: Lát gạch tàu hoặc đal xi măng. Diện tích 109,2m^2; đơn giá: 149.389đ/m^2; thành tiền: (109,2m^2 x 149.389đ/m^2) = 16.313.278đ; *Cầu bê tông*: Diện tích 18,6m^2; đơn giá 567.528đ/m^2; giá trị còn lại 50%; thành tiền: (18,6m^2 x 567.528đ/m^2 x 50%) = 5.278.010đ.

+ Thửa 119-2, tờ bản đồ số 8, diện tích 986,9m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trên đất có cây trồng: Sầu riêng (1-5năm): 10 cây x 1.050.000đ/cây = 10.500.000đ; Chuối: 14 bụi x 125.000đ/bụi = 1.750.000đ, do ông T1 trồng. Về vật kiến trúc: 03 ngôi mộ đá, di dời được, nên không định giá.

2/Thửa đất số thửa 503, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.470m^2, loại đất lúa (*hiện trạng là thửa 171, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.278,7m^2, loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long):* Không có cây trồng, vật kiến trúc gì khác.

3/Riêng thửa đất số 358-2, tờ bản đồ số 3, diện tích 241,0m^2, loại đất thuộc Kinh, anh không có yêu cầu giải quyết.

- *Về giá đất*: Thống nhất giá do nhà nước định giá như sau: Đất lúa là 60.000đ/m^2, giá thị trường không xác định; Đất trồng cây lâu năm là 71.000đ/m^2, giá thị trường không xác định; Đất ở là 330.000đ/m^2, giá thị trường không xác định.

- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc và định giá tài sản*: Thống nhất chi phí là 6.363.065đ, phần chi phí này thì yêu cầu mỗi bên phải chịu tương ứng phần tài sản được nhận.

Nay anh Huỳnh Phước Minh T yêu cầu như sau:

1/Công nhận Di chúc, ghi ngày 16/12/1991 có xác nhận của UBND xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị S (đã chết) lập là hợp pháp.

2/Công nhận phần đất có diện tích 986,9m^2, thuộc thửa 119-2, tờ bản đồ số 8, loại đất ở và đất vườn, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cho anh đứng tên Giấy CNQSDĐ và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo hiện trạng đo đạc, phần diện tích còn lại thửa 119-1, diện tích 2.497,2m^2, do bà Q, ông L đã chết nên yêu cầu công nhận cho ông Huỳnh Phước T1 đứng tên Giấy CNQSDĐ và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo hiện trạng đo đạc.

3/Công nhận phần đất có diện tích 1.000m^2, loại đất lúa, thuộc thửa 171, tờ bản đồ số 15 cho anh đứng tên Giấy CNQSDĐ theo hiện trạng đo đạc, phần diện tích còn lại của thửa 171, diện tích 3.278,7m^2, loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do bà Q, ông L đã chết nên yêu cầu công nhận cho ông Huỳnh Phước T1 đứng tên Giấy CNQSDĐ theo hiện trạng đo đạc. Anh chọn Phần giáp đất ông Đặng Hoàng H bên tay phải.

4/Rút lại yêu cầu đối với căn nhà của ông Huỳnh Phước T1 xây cất trên phần đất mà anh được hưởng thì anh yêu cầu di dời, tháo dỡ căn nhà và anh không bồi hoàn giá trị, do phần đất anh yêu cầu không có căn nhà ông T1 trên đất.

5/Anh rút lại yêu cầu đối với căn nhà của ông T3, bà S để lại đã tháo dỡ hết không còn.

- *Trong đơn phản tố ngày 26/08/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Phước T1 có chị Huỳnh Thị Quế T2 làm đại diện trình bày:*

Ông T1 đồng ý công nhận một phần đất có diện tích 986,9m^2, thuộc thửa 119-2, tờ bản đồ số 8, loại đất ở và đất vườn, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cho ông Huỳnh Phước Minh T đứng tên Giấy CNQSDĐ và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo hiện trạng đo đạc, phần diện tích còn lại thửa 119-1, diện tích 2.497,2m^2, do bà Q, ông L đã chết yêu cầu công nhận cho ông Huỳnh Phước T1 đứng tên Giấy CNQSDĐ và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo hiện trạng đo đạc.

Công nhận phần đất có diện tích 1.000m^2, loại đất lúa, thuộc thửa 171, tờ bản đồ số 15 cho ông Huỳnh Phước Minh T đứng tên Giấy CNQSDĐ theo hiện trạng đo đạc, phần diện tích còn lại của thửa 171, diện tích 3.278,7m^2, loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T,

tỉnh Vĩnh Long, do bà Q, ông L đã chết nên yêu cầu công nhận cho ông Huỳnh Phước T1 đứng tên Giấy CNQSDĐ theo hiện trạng đo đạc. Ông T1 yêu cầu nhận phần đất bên phải và giao cho anh T phần đất diện tích 1.000m^2 phần đất bên tay trái nhìn vào giáp đất ông Phan Văn B.

Ông Huỳnh Phước T1 yêu cầu như sau:

1/Rút Hủy một phần Di chúc lập ngày 16/12/19991, vì không hợp pháp.

2/Rút lại yêu cầu được hưởng phần di sản thửa đất số 503, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.350m^2, loại đất thổ vườn, đất tọa lạc tại ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà cấp 4, diện tích 50m^2 gắn liền với đất là của ông và vợ ông xây dựng.

3/Rút lại yêu cầu ông Huỳnh Phước T1 quản lý, sử dụng phần diện tích còn lại của thửa 171, diện tích 3278.7m^2, loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do bà Q, ông L đã chết nên yêu cầu công nhận cho ông Huỳnh Phước T1 đứng tên Giấy CNQSDĐ theo hiện trạng đo đạc.

Nay qua kết quả đo đạc thì ông T1 có chị T2 đại diện trình bày thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng cụ thể như sau:

1/Thửa đất số thửa 503, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.350m^2, loại đất thổ vườn (*hiện trạng là thửa 119, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.484,1m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long).*

- Về cây trồng, vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp:

Thửa đất số thửa 503, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.350m^2, loại đất thổ vườn (*hiện trạng là thửa 119, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.484,1m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long) gồm:*

+ Thửa 119-1, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.497,2m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trên đất có:

Về cây trồng: Dừa (01-03năm): 09 cây x 350.000đ/cây = 3.150.000đ; Dừa (5-25năm): 02 cây x 2.000.000đ/cây = 4.000.000đ; Sầu riêng (7-25năm): 02 cây x 10.000.000đ/cây = 20.000.000đ; Sầu riêng (5-7năm): 06 cây x 4.000.000đ/cây = 24.000.000đ; Sầu riêng (1-5năm): 27 cây x 1.050.000đ/cây = 28.350.000đ; Chuối: 33 bụi x 125.000đ/bụi = 4.125.000đ; Bưởi (3-5năm): 01 cây x 850.000đ/cây = 850.000đ, do ông T1 trồng.

Về vật kiến trúc: *Nhà chính*: Nhà trệt độc lập, khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch men, mái tôn, có trần. Diện tích 252m^2; đơn giá 3.430.848đ/m^2; giá trị còn lại 60%; thành tiền: (252m^2 x 3.430.848đ/m^2 x 60%) = 518.744.217đ; *Nhà tiền chế*: Diện tích 58,5m^2; đơn giá 847.440đ/m^2; giá trị còn lại 60%; thành tiền: (58,5m^2 x 847.440đ/m^2 x 60%)

= 29.745.144đ; *Sân bê tông*: Lát gạch tàu hoặc đal xi măng. Diện tích 109,2m^2; đơn giá: 149.389đ/m^2; thành tiền: (109,2m^2 x 149.389đ/m^2) = 16.313.278đ; *Cầu bê tông*: Diện tích 18,6m^2; đơn giá 567.528đ/m^2; giá trị còn lại 50%; thành tiền: (18,6m^2 x 567.528đ/m^2 x 50%) = 5.278.010đ.

+ Thửa 119-2, tờ bản đồ số 8, diện tích 986,9m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trên đất có cây trồng: Sầu riêng (1-5năm): 10 cây x 1.050.000đ/cây = 10.500.000đ; Chuối: 14 bụi x 125.000đ/bụi = 1.750.000đ, do ông T1 trồng; Về vật kiến trúc: 03 ngôi mộ đá, di dời được, nên không định giá.

2/Thửa đất số thửa 503, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.470m^2, loại đất lúa, (*hiện trạng là thửa 171, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.278,7m^2, loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long):* Không có cây trồng, vật kiến trúc gì.

3/Riêng thửa đất số 358-2, tờ bản đồ số 3, diện tích 241,0m^2, loại đất thuộc K, ông không có yêu cầu giải quyết.

- *Về giá đất*: Thống nhất giá do nhà nước định giá như sau: Đất lúa là 60.000đ/m^2, giá thị trường không xác định; Đất trồng cây lâu năm là 71.000đ/m^2, giá thị trường không xác định; Đất ở là 330.000đ/m^2, giá thị trường không xác định.

- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc và định giá tài sản*: Thống nhất chi phí là 6.363.065đ, phần chi phí này thì yêu cầu mỗi bên phải chịu tương ứng phần tài sản được nhận.

- *Trong biên bản ghi lời khai ngày 26/07/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phước N trình bày*: Cha ông tên Huỳnh Văn T3, sinh năm 1923 (chết năm 1987), mẹ Nguyễn Thị S, sinh năm 1923 (chết năm 2003), ông T3 và bà S có 04 người con: Ông là Huỳnh Phước N, Huỳnh Phước L, sinh năm 1957 (chết 2022), Huỳnh Phước T1, sinh năm 1960, Huỳnh Thị Kim Q, sinh năm 1961, cùng địa chỉ: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Đối với bà Q có đăng ký hộ khẩu ở ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, hiện tại đi đâu, làm gì thì ông không rõ, không liên lạc được cho tới nay. Cha mẹ chỉ có 04 người con, ngoài ra không còn con chung, con nuôi nào khác.

Trước năm 1975 ông T3, bà S có tài sản là nhà ở Thành phố V, nhưng đã bị tiếp quản không còn. Mẹ ông có phần đất vườn đang tranh chấp, còn phần đất ruộng thì ông biết là có mua của ông Vũ Bắc N2 (*hiện định cư ở nước ngoài năm 1989*), còn ông T1 nói của ông T1 mua là không biết, vì ông sống riêng nên không rõ, chỉ nghe nói, nguyên nhân mà mẹ lập Di

chúc vì có thể bà S nghĩ là ông có con trai là cháu đích tôn nên muốn để lại một phần cho cháu, bản thân ông cũng chẳng có lợi ích gì trong khối tài sản này, ông cũng không có yêu cầu gì.

- *Trong biên bản ghi lời khai ngày 26/07/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1 trình bày*: Bà là vợ ông Huỳnh Phước T1, kết hôn từ năm 1988 cho đến nay. Khi bà về sống chung với ông T1 thì có căn nhà cây của mẹ chồng, sau một năm thì cất nhà cột đúc, lợp lá do gia đình làm, hơn một năm thì ông Lý Đ nên sửa lại, rồi vợ chồng bà và mẹ chồng để lại một mình ông L ở và gia đình bà qua cất nhà khác. Khi ông L chết thì vợ chồng bà tháo dỡ bỏ căn nhà cấp 4 năm 1999 và tu sửa nhiều lần như hiện nay. Trong đó có con là Huỳnh Thị Quế T2, sinh năm 1989 có góp tiền sửa chữa căn nhà như hiện nay. Phần tài sản đất vườn do nhà nước cấp cho sử dụng, còn phần đất ruộng thì vợ chồng bà bỏ tiền ra để chuyển nhượng là 09 chỉ vàng 24K, người chuyển nhượng là ông Vũ Bắc N2 đã đi Mỹ định cư từ năm 1991, không liên lạc được, do vợ chồng bà sợ bà S nên để bà đứng tên đất.

- *Còn lại vắng mặt nên không trình bày*.

- *Tại phiên tòa*, nguyên đơn anh Huỳnh Phước Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, không có ý kiến gì khác. Anh đồng ý để ông T1 tiếp tục sử dụng đất nếu được chia cho anh và không ngăn cản ông T1 và gia đình sử dụng phần đất ruộng để vận chuyển lúa, phân bón phục vụ cho nông nghiệp.

- *Tại phiên tòa*, bị đơn ông Huỳnh Phước T1 có chị Huỳnh Thị Quế T2 làm đại diện trình bày là rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố, thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 217, 218, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 611, 612, 613, 626, 628, 630, 631, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 12, 14, 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Phước Minh T.

- Công nhận Di chúc, ghi ngày 16/12/1991 có xác nhận của UBND xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị S (đã chết) lập là hợp pháp.

- Công nhận phần đất có diện tích 986,9m², thuộc thửa 119-2, tờ bản đồ số 8, loại đất ở và đất vườn, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cho anh T đứng tên Giấy CNQSDĐ và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất và phần đất có diện tích 1.000m² (phần đất giáp ông Đặng Hoàng H), loại đất lúa, thuộc thửa 171, từ bản đồ số 15 cho anh T đứng tên Giấy CNQSDĐ theo hiện trạng đo đạc.

- Công nhận phần diện tích còn lại thửa 119-1, diện tích 2.497,2m², do bà Q, ông L đã chết nên công nhận cho ông Huỳnh Phước T1 đứng tên Giấy CNQSDĐ và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất và phần diện tích còn lại của thửa 171, diện tích 3.278,7m² (*phần đất giáp ông Phan Văn B và bà Nguyễn Thị X*), loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do bà Q, ông L đã chết nên công nhận cho ông Huỳnh Phước T1 đứng tên Giấy CNQSDĐ theo diện tích hiện trạng đo đạc.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Phước Minh T đối với: Yêu cầu căn nhà của ông Huỳnh Phước T1 xây cất trên phần đất mà ông T được hưởng thì yêu cầu ông T1 di dời, tháo dỡ căn nhà và anh T không bồi hoàn giá trị; Yêu cầu đối với căn nhà của ông T3, bà S để lại do đã tháo dỡ hết không còn.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Phước T1 đối với: Yêu cầu Hủy một phần Di chúc lập ngày 16/12/1991, vì không hợp pháp; Yêu cầu được hưởng phần di sản thửa đất số 503, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.350m², loại đất thổ vườn (*hiện trạng là thửa 119, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.484,1m², loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long*) và căn nhà cấp 4, diện tích 50m² gắn liền với đất là của ông và vợ ông xây dựng; Yêu cầu ông Huỳnh Phước T1 quản lý, sử dụng thửa 171, diện tích 3.278,7m², loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát, đo đạc và định giá tài sản*: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Phước Minh T chịu toàn bộ 6.363.065đ.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc anh Huỳnh Phước Minh T phải nộp án phí trên giá trị đất được hưởng là 7.798.000đ.

Miễn toàn bộ án phí cho ông Huỳnh Phước T1.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Các đương sự tranh chấp di sản thừa kế quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất mà bị đơn đang quản lý tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thuộc đối tượng tranh chấp quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phước N, bà Huỳnh Thị N1 có đơn xin văng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim Q đã bị Tòa án tuyên bố đã chết, nên không còn là đương sự trong vụ án. Do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt họ.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. Các bên đương sự thừa nhận: Cha tên Huỳnh Văn T3, sinh năm 1923 (chết năm 1987), mẹ Nguyễn Thị S, sinh năm 1923 (chết năm 2003), ông T3 và bà S có 04 người con: Ông là Huỳnh Phước N, Huỳnh Phước L, sinh năm 1957 (chết 2022), Huỳnh Phước T1, sinh năm 1960, Huỳnh Thị Kim Q, sinh năm 1961, cùng địa chỉ: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Đối với bà Q có đăng ký hộ khẩu ở ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, hiện tại đi đâu, làm gì thì không rõ, không liên lạc được cho tới nay. Cha mẹ chỉ có 04 người con, ngoài ra không còn con chung, con nuôi nào khác. Lời trình bày này cũng phù hợp với nội dung bà S ghi trong bản Di chúc là có 04 người con kể trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu tuyên bố bà Huỳnh Thị Kim Q đã chết và được Tòa án ban hành Quyết định số 01/2025/QĐST-VDS, ngày 09/01/2025 về việc tuyên bố bà Q đã chết và xác định ngày chết của bà Q là ngày 01/01/2000. Hậu quả pháp lý đối với bà Q về nhân thân, tài sản được giải quyết như đối với người đã chết, nên Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 675, 676 Bộ luật dân sự 2005 của bà S là ông Huỳnh Phước N, ông Huỳnh Phước T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Phước T1 có nộp đơn phản tố nhưng đã rút lại toàn bộ. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đồng thời cũng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Phước Minh T cũng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2.2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

- Xét yêu cầu công nhận Di chúc, ghi ngày 16/12/1991 có xác nhận của UBND xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị S (đã chết) lập là hợp pháp: Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về hình thức: Di chúc bằng văn bản, viết tay có chữ ký của người để lại di chúc, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết; người lập di chúc lập bản Di chúc trong trường hợp minh mẫn tỉnh táo, không bị lừa dối, cưỡng ép phù hợp với Điều 646, 647, 648 Bộ luật dân sự năm 2005. Đây là Di chúc bằng văn bản có chứng thực quy định tại Điều 657 Bộ luật dân sự 2005.

+ Về nội dung: Di chúc ghi rõ ngày, tháng, năm lập, họ tên của người lập, người được hưởng di sản, di sản để lại và nơi có Di sản phù hợp với Điều 653 Bộ luật dân sự năm 2005. Trong Di chúc có 2 mục di sản gồm*: Vườn: 03 công + 1 tầm tại lô H, ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Cửu Long; Ruộng: 3,9 công + 4 tầm thủy lợi tại ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Cửu Long, cụ thể như sau*:

"*Vị trí vườn*: *cạnh giáp với Tư A, 1 cạnh giáp với Năm Q1, một cạnh giáp với Tư T4, một cạnh giáp với Sáu H1 được chia đều (mỗi phần là 1 công rưỡi + ½ tầm) làm 2 phần: Một phần (nếu đứng từ đường vào lô nhìn vào ở phía phải) trên đó có 01 nhà để ở và thờ cúng giao cho anh Huỳnh Phước T1. Anh L được ở trên một phần nhà để cư ngụ (Phần A); Một phần (nếu đứng từ đường vào lô nhìn vào ở phía trái) được giao cho anh Huỳnh Phước L. Tuy nhiên do anh L mắc bệnh tâm thần nên tôi giao cho anh Huỳnh Phước N thủ hộ để lấy huê lợi lo cho L áo quần, thuốc men, ăn uống....nếu L1 mãn phần, phần này được chuyển cho Huỳnh Phước Minh T là con của anh Huỳnh Phước N (Phần B). Vị trí ruộng: cạnh giáp với sông, 1 cạnh giáp với Tư C, 02 cạnh còn lại giáp với anh H, trước đây mua của ông Vũ Bắc N3 theo giấy bán tay ngày 22/11/1989 được chia ra 3 phần như sau: Phần 1: Gồm 1 công rưỡi đang làm thủ tục tách bộ vị trí 1 cạnh giá với Tư Cuông, 2 cạnh giáp với anh H, còn 1 cạnh giáp với phần còn lại của tôi, nếu nhìn từ phía sông vào là phần trong cùng được giao cho anh Huỳnh Phước T1; Phần 2: Gồm 0,9 công vị trí gồm 1 cạnh giáp với Tư C, 1 cạnh giáp với phần 1, 1 cạnh giáp với anh H, 1 cạnh giáp với phần 3 hiện tại tôi đang sử dụng nhưng khi tôi chết đi mà vẫn còn sở hữu của tôi thì các anh em thỏa thuận để chia cho nhau; Phần 3: Gồm 1 công rưỡi vị trí gồm cạnh giáp với sông, 1 cạnh giáp với Tư C, 1 cạnh giáp với anh H, 1 cạnh giáp với phần 2 nếu nhìn từ phía sông vào thì là phần đầu tiên được giao cho anh Huỳnh Phước L, nhưng do anh L bị bệnh tâm thần nên anh Huỳnh Phước N được trọn quyền thủ hộ. Nếu Lý*

mãn phần, phần này được chuyển cho Huỳnh Phước Minh T là con của Huỳnh Phước N. Do anh L bị bệnh tâm thần nên anh N, anh T1 có trách nhiệm lo lắng cho anh L về toàn bộ các mặt".

Ý chí của người để lại di sản thể hiện trong Di chúc: *"Tôi năm nay đã 68 tuổi, vẫn còn sáng suốt, không lẫn, không mờ, không điếc"*.Như vậy, về mặt nội dung và hình thức của Di chúc không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 652 Bộ luật dân sự 2005 và có quyền lập Di chúc đối với tài sản của mình để lại.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1 cho rằng phần đất ruộng là do bà và ông T1 mua nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà và ông T1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trình bày của mình là có căn cứ, không có yêu cầu nên không có cơ sở xem xét.

Đồng thời tại Công văn số 5508/VPĐKĐĐ-TTLT, ngày 08/11/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V có văn bản trả lời như sau: "*1. Thửa đất số 503, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.350m^2, loại đất TQ, do bà Nguyễn Thị S đứng tên, Sổ đăng ký đất ngày 19/09/1995, theo Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/09/1995, ghi nhận số phát hành giấy chứng nhận: D 793467, số vào sổ 22688.*

2. Thửa đất số 503, tờ bản đồ số 3: Theo Sổ địa chính xã L ngày 30/12/1995, ghi nhận thửa đất số 503, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.470m^2, loại đất LUA, do bà Nguyễn Thị S đứng tên, số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 47911, ngày tháng năm vào sổ: 14/08/2003 (BL16)", nên có đủ căn cứ xác định tài sản này là của bà S. Do vậy có đủ cơ sở xác định Di chúc của cụ Nguyễn Thị S lập ngày 16/12/1991 là hợp pháp.

- Xét yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 986,9m^2, thuộc thửa 119-2, tờ bản đồ số 8, loại đất ở và đất vườn, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cho anh đứng tên Giấy CNQSDĐ và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo hiện trạng đo đạc, phần diện tích còn lại thửa 119-1, diện tích 2.497,2m^2, do bà Q, ông L đã chết nên yêu cầu công nhận cho ông Huỳnh Phước T1 đứng tên Giấy CNQSDĐ và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo hiện trạng đo đạc:

Hội đồng xét xử xét thấy, thửa đất số thửa 503, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.350m^2, loại đất thổ vườn (*hiện trạng là thửa 119, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.484,1m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long):*

+ Thửa 119-1(503-1), tờ bản đồ số 8, diện tích 2.497,2m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trị giá là 229.101.200đ trên đất có cây

trồng: Dừa (01-03 năm): 09 cây x 350.000đ/cây = 3.150.000đ; Dừa (5-25năm): 02 cây x 2.000.000đ/cây = 4.000.000đ; Sầu riêng (7-25năm): 02 cây x 10.000.000đ/cây = 20.000.000đ; Sầu riêng (5-7năm): 06 cây x 4.000.000đ/cây = 24.000.000đ; Sầu riêng (1-5năm): 27 cây x 1.050.000đ/cây = 28.350.000đ; Chuối: 33 bụi x 125.000đ/bụi = 4.125.000đ; Bưởi (3-5năm): 01 cây x 850.000đ/cây = 850.000đ. Tổng giá trị cây trồng là 84.475.000đ do ông T1, bà N1 trồng, đây không phải là di sản thừa kế nên ông T1, bà N1 và chị Thanh quản L2, sử dụng, tiếp tục quản lý, sử dụng, nếu có tranh chấp thì xem xét giải quyết trong vụ án khác, do các đương sự không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật kiến trúc: *Nhà chính*: Nhà trệt độc lập, khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch men, mái tôn, có trần. Diện tích 252m^2; đơn giá 3.430.848đ/m^2; giá trị còn lại 60%; thành tiền: (252m^2 x 3.430.848đ/m^2 x 60%) = 518.744.217đ. *Nhà tiền chế*: Diện tích 58,5m^2; đơn giá 847.440đ/m^2; giá trị còn lại 60%; thành tiền: (58,5m^2 x 847.440đ/m^2 x 60%) = 29.745.144đ. *Sân bê tông*: Lát gạch tàu hoặc đal xi măng. Diện tích 109,2m^2; đơn giá: 149.389đ/m^2; thành tiền: (109,2m^2 x 149.389đ/m^2) = 16.313.278đ. *Cầu bê tông*: Diện tích 18,6m^2; đơn giá 567.528đ/m^2; giá trị còn lại 50%; thành tiền: (18,6m^2 x 567.528đ/m^2 x 50%) = 5.278.010đ. Tổng giá trị tài sản là 570.080.649đ, đây không phải là di sản thừa kế nên ông T1, bà N1 và chị Thanh quản L2, sử dụng, tiếp tục quản lý, sử dụng, nếu có tranh chấp thì xem xét giải quyết trong vụ án khác, do các đương sự không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Thửa 119-2(503-2), tờ bản đồ số 8, diện tích 986,9m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long có giá trị là 95.969.900đ trên đất có cây trồng: Sầu riêng (1-5năm): 10 cây x 1.050.000đ/cây = 10.500.000đ; Chuối: 14 bụi x 125.000đ/bụi = 1.750.000đ. Tổng giá trị cây trồng là 12.250.000đ, do ông T1, bà N1 trồng, không có yêu cầu anh T bồi thường lại nên không đặt ra giải quyết, nên anh T tiếp tục sử dụng. Về vật kiến trúc: 03 ngôi mộ đá, di dời được, nên không định giá.

Quá trình giải quyết vụ án, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là bị đơn ông Huỳnh Phước T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1, chị Huỳnh Thị Quế T2 được quyền đến thăm nom, chăm sóc mộ phần của ông bà, cha mẹ, không ai ngăn cản.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất thỏa thuận theo diện tích các bên chỉ ranh nên ghi nhận sự thỏa thuận này là anh T được quản lý, sử dụng thửa 119-2, tờ bản đồ số 8, diện tích 986,9m^2 và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất; ông T1

được quyền quản lý, sử dụng thửa 119-1, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.497,2m^2 và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất.

- Xét yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 1.000m^2, loại đất lúa, thuộc thửa 171, tờ bản đồ số 15 cho anh đứng tên Giấy CNQSDĐ theo hiện trạng đo đạc, phần diện tích còn lại của thửa 171, diện tích 3278,7m^2, loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do bà Q, ông L2 đã chết nên yêu cầu công nhận cho ông Huỳnh Phước T1 đứng tên Giấy CNQSDĐ theo hiện trạng đo đạc:

Xét thấy thửa đất số thửa 503, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.470m^2, loại đất lúa (*hiện trạng là thửa 171, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.278,7m^2, loại đất lúa*, *tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long):* Không có cây trồng, vật kiến trúc gì khác, trị giá 256.722.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, trong Di chúc ngày 16/12/1991 của Bà S có ghi nhận phần đất của bà là 0,9 công để cho các anh em thỏa thuận. Do đây là phần bà S không để lại cho ai nên phải được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của bà S chỉ còn ông Huỳnh Phước N và Huỳnh Phước T1. Tuy nhiên, ông Huỳnh Phước N đã từ chối không nhận phần di sản này và anh T cũng có yêu cầu công nhận cho ông T1, nên Hội đồng xét xử công nhận phần đất này cho ông T1 là có căn cứ.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận theo diện tích các bên chỉ ranh, diện tích giảm do biến động ranh do đo đạc qua các thời kỳ. Phần đo đạc thực tế các đương sự thống nhất, nên ghi nhận sự thỏa thuận này là anh T được quản lý, sử dụng thửa 171-1, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.000m^2; ông T1 được quyền quản lý, sử dụng thửa 171-2, tờ bản đồ số 15, diện tích 3.278,7m^2.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhàcó thẩm quyền để đăng ký kê khai biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Riêng thửa đất số 358-2, tờ bản đồ số 3, diện tích 241.0m^2, loại đất thuộc Kinh mà ông T1 chỉ ranh trong quá trình giải quyết vụ án; anh T, ông T1 không có yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, do đây là đất thuộc quyền quản lý của nhà nước, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại điểm e khoản 3, Điều 9 của Luật đất đai 2024 và không nằm trong quyền sử dụng đất của bà S.

[2.3]. *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc và định giá tài sản*: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Phước Minh T chịu toàn bộ số tiền là 6.363.065đ, đã nộp xong.

[3]. *Về án phí:* Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 26, 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ông T1 được miễn án phí, anh T phải chịu án phí loại có giá ngạch là 155.969.900đ x 5% = 7.798.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 165, 217, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 631, 633, 634, 642, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 652, 675, 676 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 620, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 636, 649, 650, 651, 654, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95, 166, 167, 170, 188 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm e khoản 3 Điều 9, 26, 27, 31, 131, 132, 133 của Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Phước Minh T.

[2]. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị S để lại là: Thửa đất số thửa 503, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.350m^2, loại đất thổ vườn (*hiện trạng là thửa 119, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.484,1m^2, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long) và* thửa 503, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.470m^2, loại đất lúa (*hiện trạng là thửa 171, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.278,7m^2, loại đất lúa*, *tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long)*.

[3]. Thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị S là ngày 05/04/2003.

[4]. Xác định Di chúc của cụ Nguyễn Thị S là hợp pháp.

[5]. Xác định hàng thừa kế thep pháp luật của cụ Nguyễn Thị S gồm: Ông Huỳnh Phước N và ông Huỳnh Phước T1.

[6]. Di sản thừa kế được chia như sau:

- *Về thửa đất 119(503)*: Giao cho anh Huỳnh Phước Minh T được hưởng phần đất tại thửa 119-2(503-2), tờ bản đồ số 8, diện tích 986,9m^2 (*trong đó có 100m^2 đất ở và 886,9m^2 loại đất trồng cây lâu năm*), tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để quản lý, sử dụng có kích thước và hình thể qua các mốc 1, 2, 7, 8, 1 (*theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày*

10/03/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long và đề nghị ngày 18/06/2025 của Toà án nhân dân huyện Tam Bình kèm theo), trên đất có cây trồng gồm: 10 cây Sầu riêng (1-5năm); 14 bụi Chuối và vật kiến trúc là 03 ngôi mộ đá.

Giao cho ông Huỳnh Phước T1 được hưởng phần đất tại thửa 119-1(503-1), tờ bản đồ số 8, diện tích 2.497,2m^2 (*trong đó có 200m^2 đất ở và 2.297,2m^2 loại đất trồng cây lâu năm*) tọa lạc ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để quản lý, sử dụng, có kích thước và hình thể qua các mốc 2, 3, 6, 7, 2 (*theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 10/03/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long và đề nghị ngày 18/06/2025 của Toà án nhân dân huyện Tam Bình kèm theo*), trên đất có cây trồng: 09 cây Dừa (01-03 năm); 02 cây Dừa (5-25năm); 02 cây Sầu riêng (7-25năm); 06 cây Sầu riêng (5-7năm); 27 cây Sầu riêng (1-5năm); 33 bụi Chuối; 01 cây Bưởi (3-5năm) và vật kiến trúc: *Nhà chính*: Nhà trệt độc lập, khung cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch men, mái tôn, có trần. Diện tích 252m^2; *Nhà tiền chế*: Diện tích 58,5m^2; *Sân bê tông*: Lát gạch tàu hoặc đal xi măng. Diện tích 109,2m^2; *Cầu bê tông*: Diện tích 18,6m^2.

Ông T1, bà N1 và chị T2 được tiếp tục quản lý, sử dụng cây trồng và vật kiến trúc nêu trên, nếu có tranh chấp thì xem xét giải quyết trong vụ án khác, do các đương sự không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên không đặt ra giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn anh Huỳnh Phước Minh T là bị đơn ông Huỳnh Phước T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1, chị Huỳnh Thị Quế T2 được quyền đến thăm nom, chăm sóc mộcủa ông bà mà không ai ngăn cản.

- *Về thửa đất 171(503)*: Giao cho anh Huỳnh Phước Minh T được hưởng phần đất tại thửa 171-2 (503-2), tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000m^2, loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để quản lý, sử dụng có kích thước và hình thể qua các mốc 1, A, B, C, 1 (*theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 10/03/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long và đề nghị ngày 18/06/2025 của Toà án nhân dân huyện Tam Bình kèm theo*).

Giao cho ông Huỳnh Phước T1 được hưởng phần đất tại thửa đất số thửa 171-2 (503-2), tờ bản đồ số 8, diện tích 3.278,7m^2, loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Sơn C, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để quản lý, sử dụng có kích thước và hình thể qua các mốc A, 2, 3, 4, 5, C, B, A (*theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 10/03/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long và đề nghị ngày 18/06/2025 của Toà án nhân dân huyện Tam Bình kèm theo*).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn anh Huỳnh Phước Minh T là bị đơn ông Huỳnh Phước T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1, chị Huỳnh Thị Quế T2 được quyền đi qua phần đất được giao cho anh T đứng tên để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[7]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Phước Minh T và đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Phước T1 do rút lại yêu cầu.

[8]. *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc và định giá tài sản*: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Phước Minh T chịu toàn bộ số tiền là 6.363.065đ, đã nộp xong.

[9]. *Về án phí*: Miễn án phí cho ông Huỳnh Phước T1.

Buộc anh T phải chịu án phí là 7.798.000đ, được khấu trừ qua số tiền 10.700.000đ theo biên lai số No 0014088, ngày 23/04/2024, số tiền 300.000đ theo biên lai số No 0002260, ngày 06/05/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, nên nguyên đơn anh T được nhận lại số tiền chênh lệch là 3.202.000đ (*Ba triệu, hai trăm lẻ hai nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[10]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND huyện Tam Bình*;
- *Chi cục THADS huyện Tam Bình*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo